

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - QUẢNG TRỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2026/KDTM - ST
Ngày 13/3/2026
“*Tranh chấp
hợp đồng mua bán hàng hoá*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - QUẢNG TRỊ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vĩnh;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Viết Hải và bà Hồ Thị Thoa;
- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Văn Minh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Quảng Trị.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Quảng Trị tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thuý Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2026, tại: Phòng xét xử Tòa án nhân dân khu vực 8 - Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 01/2025/TLST-KDTM ngày 15 tháng 10 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2026/QĐXXST- KDTM ngày 15 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2026/QĐST- KDTM ngày 13 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH C; địa chỉ: Địa chỉ: Tầng A, khối văn phòng L, số A Đường L, phường L, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Đoàn Thị Yến V; địa chỉ: Số A L, phường H, thành phố Đà Nẵng (theo giấy uỷ quyền ngày 03/09/2025), có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Hoàng A - Luật sư - Công ty TNHH L; địa chỉ: A L, phường H, thành phố Đà Nẵng (theo giấy giới thiệu luật sư tham gia tố tụng số 40/2025/GTT ngày 05/9/2025), có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH X; địa chỉ: Số C đường T, xã G, tỉnh Quảng Trị;
Do ông Nguyễn Đức T - Giám đốc đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Trần Thị T1; địa chỉ: Thôn C, xã G, tỉnh Quảng Trị (theo giấy uỷ quyền ngày 15/10/2025), vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 8 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, trình bày:

Ngày 09/8/2018 Công ty TNHH C (Bên bán) và Công ty TNHH X (Bên mua) ký kết Hợp đồng mua bán nhựa đường/nhũ tương nhựa đường số 112/ADC-HN/CLD ký kết ngày 9/8/2018 giữa hai bên. Theo đó:

- Điều 1 quy định về hàng hoá: Bên bán bán cho bên mua hàng hóa là nhựa đường đặc nóng loại 60/70 phù hợp với tiêu chuẩn TCVN 7493:2005...

- Mục 2.1 điều 2 quy định về khối lượng: Tổng khối lượng dự kiến của hợp đồng là: 1.000 tấn.

- Mục 3.1 điều 3 quy định về đơn giá: Giao tới địa điểm giao nhận hàng của bên mua tại Quảng Trị là 10.500.000VNĐ/tấn (chưa bao gồm 10%VAT).

- Điều 5 quy định về điều khoản thanh toán:

5.2. Bên bán xuất hóa đơn cho bên mua vào ngày kế tiếp của ngày giao nhận hàng. Bên mua có trách nhiệm thanh toán cho bên bán trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn, ngày 17/8/2021 hai bên ký kết Phụ lục hợp đồng số 05 để điều chỉnh thời hạn thanh toán từ 30 ngày thành 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

5.3 Bên mua có trách nhiệm và nghĩa vụ thanh toán cho bên bán đầy đủ và đúng hạn theo quy định trong hợp đồng. Bất kỳ một hóa đơn nào chưa được bên mua thanh toán cho bên bán trong vòng 30 ngày kể từ ngày lập hóa đơn (ngày 17/8/2021 hai bên ký kết Phụ lục hợp đồng số 05 để điều chỉnh thời hạn thanh toán từ 30 ngày thành 60 ngày kể từ ngày lập hóa đơn), bên mua sẽ phải thanh toán cho bên bán theo mức lãi suất nợ quá hạn là 1,2%/tháng kể từ ngày đến hạn cho tới ngày thanh toán đầy đủ các khoản nợ.

- Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Bên bán đã giao hàng đúng với nội dung thỏa thuận tại Hợp đồng cho Bên mua. Đồng thời, Bên bán cũng đã phát hành các hóa đơn liên quan đến việc mua bán hàng hóa giữa các bên để Bên mua thực hiện việc thanh toán. Tuy nhiên, Bên mua đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thời hạn quy định. Việc vi phạm nghĩa vụ thanh toán này đã được các bên thống nhất tại:

1) Biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/6/2024;

2) Bảng kê chi tiết các hóa đơn còn nợ. Hai bên xác nhận: Bên mua còn nợ Bên bán số tiền là: 1.934.994.700 (*Một tỷ, chín trăm ba mươi bốn triệu, chín trăm chín mươi bốn nghìn, bảy trăm*) đồng.

Căn cứ mục 5.2&5.3 Điều 5 của Hợp đồng số 112/ADC-HN/CLD và Phụ lục hợp đồng số 05 thì Bên mua phải có nghĩa vụ thanh toán cho Bên bán tổng số tiền là: 2.353.651.349 đồng, bao gồm tiền gốc: 1.934.994.700 đồng và tiền lãi tạm tính phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán: 418.656.649 đồng tính đến ngày 31/07/2025 theo bảng tính lãi chi tiết kèm theo.

Vì vậy Công ty TNHH C khởi kiện: Buộc Công ty TNHH X phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH C nhựa đường số tiền: 2.353.651.349 đồng (*Hai tỷ, ba trăm năm mươi ba triệu, sáu trăm năm mươi một nghìn, ba trăm bốn mươi chín*) đồng tính đến ngày 31/07/2025 trong đó: Tiền gốc: 1.934.994.700 đồng; Tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tạm tính đến hết ngày 31/7/2025: 418.656.649 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo uỷ quyền của bị đơn, trình bày:

Phía bị đơn thừa nhận vào ngày 09/8/2018, Công ty TNHH X và Công ty TNHH C đã cùng ký kết Hợp đồng mua bán nhựa đường/nhũ tương nhựa đường số: 112/ADC-HN/CLD. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng Công ty TNHH C

đã giao hàng đúng với nội dung thỏa thuận tại Hợp đồng cho Công ty TNHH X. Đồng thời, Công ty TNHH C cũng đã phát hành các hóa đơn liên quan đến việc mua bán hàng hóa giữa các bên để Công ty TNHH X thực hiện việc thanh toán.

Tuy nhiên, đến nay Công ty TNHH X chưa thanh toán theo như đúng thời hạn quy định đã thỏa thuận trong hợp đồng. Sau đó nghĩa vụ thanh toán này đã được các bên thống nhất lại tại biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/6/2024 và bảng kê chi tiết các hóa đơn còn nợ. Hai bên đã xác nhận: Công ty TNHH X còn nợ Công ty TNHH C số tiền là: 1.934.994.700 (Một tỷ, chín trăm ba mươi bốn triệu, chín trăm chín mươi bốn nghìn, bảy trăm) đồng.

Nay phía nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH X trả lại cho phía nguyên đơn số tiền là: 2.353.651.349 đồng (Hai tỷ, ba trăm năm mươi ba triệu, sáu trăm năm mươi một nghìn, ba trăm bốn mươi chín) đồng tính đến ngày 31/07/2025 trong đó: Tiền gốc: 1.934.994.700 đồng; Tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính đến hết ngày 31/7/2025: 418.656.649 đồng.

Công ty TNHH X đồng ý với với số tiền nợ gốc: 1.934.994.700 đồng và không đồng ý với phần tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính đến hết ngày 31/7/2025 là 418.656.649 đồng.

Tại phiên tòa:

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, đề nghị Toà án buộc Công ty TNHH X phải thanh toán cho Công ty TNHH C nhưa đường tổng số tiền: 2.527.800.872 (hai tỷ năm trăm hai bảy triệu tám trăm nghìn tám trăm bảy hai) đồng tính đến ngày 13/3/2026 trong đó: Nợ gốc: 1.934.994.700 (một tỷ chín trăm ba mươi triệu chín trăm chín bốn nghìn bảy trăm) đồng; nợ lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tạm tính đến hết ngày 13/3/2026 là 592.806.172 (năm trăm chín hai triệu tám trăm lẻ sáu nghìn một trăm bảy hai) đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Quảng Trị tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Tiến hành các thủ tục tố tụng cần thiết để nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Bị đơn Công ty TNHH X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy, đề nghị căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Công ty TNHH X.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 119, Điều 401, Điều 430, Điều 434 và Điều 440 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả nợ cho nguyên đơn số tiền gốc và

lãi theo hợp đồng mà hai bên đã ký kết. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá trong hoạt động thương mại được quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn Công ty TNHH X có địa chỉ trụ sở tại: Số C đường T, xã G, tỉnh Quảng Trị, nguyên đơn Công ty TNHH C có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân khu vực 8 - Quảng Trị nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Quảng Trị, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn Công ty TNHH X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy, căn cứ điểm khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Công ty TNHH X.

[2]. Xét nội dung yêu cầu khởi kiện:

2.1. Xét về hợp đồng: Ngày 09/8/2018 giữa Công ty TNHH C và Công ty TNHH X đã ký kết Hợp đồng mua bán nhựa đường/nhũ tương nhựa đường số 112/ADC-HN/CL, đây là hợp đồng mua bán hàng hoá trong hoạt động thương mại, tại thời điểm giao kết hợp đồng do người đại diện hợp pháp của các bên ký kết là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung hợp đồng không trái quy định pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực và phát sinh quyền và nghĩa vụ các bên theo quy định tại các Điều 117, Điều 118, Điều 119 Bộ luật dân sự và Điều 24 Luật Thương mại.

2.2. Về nghĩa vụ thanh toán (nợ gốc): Quá trình thực hiện Hợp đồng, Công ty TNHH C đã giao hàng đúng với nội dung thỏa thuận tại Hợp đồng cho Công ty TNHH X. Đồng thời, Công ty TNHH C cũng đã phát hành các hóa đơn liên quan đến việc mua bán hàng hóa giữa các bên để Công ty TNHH X thực hiện việc thanh toán. Tuy nhiên, Công ty TNHH X đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thời hạn quy định. Việc vi phạm nghĩa vụ thanh toán này đã được các bên thống nhất lại tại Biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/6/2024 và trong các phiên làm việc tại Tòa án. Phía bị đơn thừa nhận: Công ty TNHH X còn nợ Công ty TNHH C1 ứng nhựa đường số tiền là: 1.934.994.700 (*Một tỷ, chín trăm ba mươi bốn triệu, chín trăm chín mươi bốn nghìn, bảy trăm*) đồng.

2.3. Về yêu cầu thanh toán trả lãi: Xét thỏa thuận tại hợp đồng về lãi suất chậm thanh toán là 1,2%/tháng, thỏa thuận này không vượt quá mức lãi suất theo quy định của pháp luật, phù hợp với Điều 306 Luật Thương mại và hướng dẫn tại Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, nên có căn cứ chấp nhận. Yêu cầu thanh toán lãi kê từ thời điểm đến hạn thanh toán theo từng hóa đơn cho đến ngày xét xử sơ thẩm được Hội đồng xét xử chấp nhận. Việc bị đơn không đồng ý trả lãi là không có căn cứ, không tuân theo các thỏa thuận trong hợp đồng.

Căn cứ thỏa thuận tại Hợp đồng và Phụ lục hợp đồng số 05, thời hạn thanh toán được xác định là 60 ngày kể từ ngày lập hóa đơn (tương ứng với thời điểm giao nhận hàng hóa). Do đó, đối với từng lần giao hàng, thời điểm bắt đầu tính lãi chậm thanh toán được xác định là ngày liền kề sau ngày hết hạn thanh toán, tức là sau 60 ngày kể từ ngày giao hàng (hoặc ngày lập hóa đơn) tương ứng của từng hóa đơn. Tổng tiền lãi phát sinh đến ngày 13/3/2026 là 592.806.172 đồng.

Từ những phân tích nêu trên, HĐXX có đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về việc buộc Bị đơn thanh toán khoản tiền nợ gốc và lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán với tổng số tiền: 2.527.800.872 đồng tính đến hết ngày 13/3/2026 trong đó: Nợ gốc: 1.934.994.700 đồng; nợ lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tạm tính đến hết ngày 13/3/2026 là 592.806.172 đồng.

Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu 8 - Quảng Trị tại phiên tòa đúng quy định pháp luật và phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự trong vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tổ tụng dân sự; Điều 117, Điều 119, Điều 357, Điều 401, Điều 430, Điều 434, Điều 440 và Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 24, 50, 55 và Điều 306 Luật Thương mại; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toà bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Công ty TNHH C**.

[1]. Buộc **Công ty TNHH X** phải trả cho **Công ty TNHH C** số tiền là: 2.527.800.872 (hai tỷ năm trăm hai bảy triệu tám trăm nghìn tám trăm bảy hai) đồng, trong đó: Nợ gốc: 1.934.994.700 (một tỷ chín trăm ba mươi tư triệu chín trăm chín mươi bốn nghìn bảy trăm) đồng; nợ lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính đến hết ngày 13/3/2026 là 592.806.172 (năm trăm chín hai triệu tám trăm lẻ sáu nghìn một trăm bảy hai) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất 1,2%/tháng theo thỏa thuận tại Hợp đồng mua bán nhựa đường nhũ tương nhựa đường số 112/ADC-HN/CLD và Phụ lục hợp đồng số 05.

[2]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Công ty TNHH X phải chịu số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 82.556.017 (HYPERLINK \l "link" \o "Họ và Tên: Tám" Tám mươi hai triệu năm trăm năm mươi sáu lẻ mười bảy) đồng.

Công ty TNHH C không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty TNHH C nhựa đường số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 39.356.513 (ba mươi chín triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm mười ba) đồng đồng, theo biên lai thu số: 0000872 ngày 15 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

[3]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bên đương sự;
- VKSND KV8 - Quảng Trị;
- Phòng THADS KV 8 - Quảng Trị;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Lưu hồ sơ, lưu án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Ngọc Vĩnh